TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 557/2018/DS-ST
Ngày: 30/10/2018
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Lê Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2018/QĐST-DS ngày 5 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C.

Trụ sở: Số 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn H, sinh năm 1991 (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 1141/UQ-QLN.17 ngày 18/12/2017 của Ngân hàng Thương mại C)

Địa chỉ: đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

1. Ông Phùng Minh S, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ T, Ấp N, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phùng Nhật N, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ T, Ấp N, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại C (có ông Châu Văn H là đại diện ủy quyền) trình bày:

Ngày 29/3/2011 Ngân hàng Thương mại C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phùng Văn S có thỏa thuận về việc mở tài khoản tín dụng quốc tế theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB Visa Platinum".

Ngày 10/8/2011 ông Phùng Minh S có Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ cho ông Phùng Nhật N (con ruột ông Sơn) tại ngân hàng.

Ngày 19/8/2011 Ngân hàng cấp thẻ phụ cho ông Phùng Nhật N.

Theo đó các bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng cấp thẻ chính là ông Phùng Minh S, thẻ tín dụng Visa số 4365991000007345; thẻ phụ là ông Phùng Nhật N; hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng; hình thức bảo đảm: tín dụng, lãi vay: được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng ban hành tại từng thời điểm, hiệu lực thẻ: 03 năm kể từ ngày 13/04/2011.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Phùng Minh S và ông Phùng Nhật N đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 25/09/2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/6/2016 Ngân hàng khởi kiện ông Phùng Minh S và ông Phùng Nhật N yêu cầu thanh toán còn nợ Ngân hàng tổng cộng sau:

Số tiền nợ gốc: 196.265.824 đồng,

Tiền lãi quá hạn: 55.254.714 đồng

Tổng cộng: 251.520.538 đồng

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng điều chỉnh mức lãi suất là 27%/năm, quá hạn là 40,5%/ năm, Ngân hàng có thông báo cho ông Phùng Minh S.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N thanh toán cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/10/2018 là:

Tổng số tiền: 433.904.656 đồng, trong đó nợ gốc: 196.265.824 đồng, tiền lãi phát sinh 237.638.832 đồng.

Theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, giấy đề nghị cấp thẻ kể từ ngày 30/10/2018 đến ngày ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N trả dứt nợ. Ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn và lãi quá hạn.

Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên, Ngân hàng không yêu cầu chủ thể thứ ba nào khác trả số nợ trên.

Bị đơn Phùng Minh S và ông Phùng Nhật N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Toà án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Bộ luật tố tụng năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N trả tổng số nợ còn thiếu (Gồm nợ gốc và nợ lãi) tính đến ngày 30.10.2018 là 433.904.656 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 196.265.824 đồng, lãi quá hạn 237.638.832 đồng.

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ACB, Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 29/03/2011 của ông Phùng Minh S và ngày 10/08/2011 ông Phùng Nhật N, các văn bản của ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 13/04/2011 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ chính tín dụng cho ông Phùng Minh S, ngày 10/08/2011 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ phụ tín dụng cho ông Phùng Nhật N với hạn mức thẻ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hiệu lực thẻ 3 năm (từ ngày cấp thẻ), lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 25/09/2015 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/10/2018 ông ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 196.265.824 đồng . Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải trả số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả nợ lãi: Ngân hàng yêu cầu trả lãi quá hạn: 237.638.832 đồng, mức lãi này bằng 150% lãi trong hạn, lãi quá hạn là 37.2%/ năm áp dụng trước ngày 12/6/2017 và 40.5%/ năm áp dụng sau ngày 12/6/2017 đến nay. Ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn kể từ ngày 25/9/2015. Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất tuy cao hơn so với quy định và mức lãi suất tính đúng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy tính đến ngày 30/10/2018 Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N trả số tiền lãi là 237.638.832 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết với nguyên đơn, thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Do Nguyên đơn khởi kiện có 2 bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N, trong đó ông Phùng Nhật N, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyên đơn Ngân hàng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết theo quy định tại điểm g, khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 là theo quy định của pháp luật, nên Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý giải quyết theo sự lựa chọn thẩm quyền giải quyết của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đối với bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N:

Xét, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB Visa Platinum ngày 29/3/2011; Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ ngày 10/8/2011 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa Ngân hàng với ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N các bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng cấp cho ông Phùng Minh S thẻ tín dụng Visa số

4365991000007345, chủ thẻ chính là ông Phùng Minh S và thẻ phụ là ông Phùng Nhật N, hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, hình thức bảo đảm: tín dụng, lãi vay: được tính trên số dự nợ theo lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng ban hành tại từng thời điểm, hiệu lực thẻ: 03 năm kể từ ngày 13/04/2011.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng; ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 25/09/2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 30/10/2018 ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N còn nợ Ngân hàng Tổng số tiền: 433.904.656 đồng, trong đó nợ gốc: 196.265.824 đồng, tiền lãi phát sinh 237.638.832 đồng.

Xét, tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB quy định như sau:

+ Căn cứ Điều 10 quy định:

"10.1. Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì ACB sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của ACB.

Đối với các khoản tiền thuộc giao dịch thẻ chưa được ghi nợ vào tài khoản thẻ vào thời điểm chuyển nợ quá hạn sẽ được chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định vào thời điểm các khoản tiền này được ghi nợ vào tài khoản thẻ.

10.2. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ACB có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của ACB để thu hội nợ (bao gồm: số dư nợ, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác)"

+ Căn cứ Điều 14 quy định:

"14.1. HMTD chỉ được ACB cấp cho chủ thẻ chính (Các) chủ thẻ phụ chỉ được phép sử dụng trong phạm vi HMTD đã được ACB cấp cho chủ thẻ chính, (các) chủ thẻ phụ không được cấp HMTD riêng.

14.2. Chủ thẻ chính và/hoặc (các) chủ thẻ phụ có trách nhiệm thanh toán cho ACB tất cả các giao dịch thẻ được thực hiện bằng thẻ của chủ thẻ, kể cả trương trường hợp chủ thẻ chính và/hoặc (các) chủ thẻ phụ không ký xác nhận trên HĐGD. Trong trường hợp chủ thẻ chính không có khả năng thanh toán số dư nợ, (các) chủ thẻ phụ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số dư nợ và ngược lại.

14.3. Chủ thẻ chính (các) chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm chung và mỗi người chịu trách nhiệm riêng trong việc thực hiện các quy định của bản các điều khoản và điều kiện này. Việc vô hiệu không thể thi hành hay miễn trừ trách nhiệm của chủ thẻ chính sẽ không xóa bỏ trách nhiệm của (các) chủ thẻ phụ và người lại".

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay "*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*".

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N. Tuy nhiên ông S và ông N không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông S và ông N đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ trả lời xác minh của Công an Quận 7: Ông Phùng Minh S, sinh năm 1964, ngày 12/5/2000 đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; đến ngày 11/10/2012 cấp HK07 chuyển hộ khẩu về địa chỉ: Tổ T, Ấp N, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phùng Nhật N, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ T, Ấp N, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 7/9/2011 chuyển hộ khẩu thường trú về tại: Khu phố N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc khác, để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N, ngày 18/3/2018 Tòa án nhân dân Quận 7 có công văn yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng tiến hành đăng báo tìm kiếm bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng báo tìm kiếm bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N theo quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng ACB buộc bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Tổng số tiền: 433.904.656 đồng, trong đó nợ gốc: 196.265.824 đồng, tiền lãi phát sinh 237.638.832 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB, Giấy đề nghị cấp thẻ kể từ ngày 30/10/2018 đến ngày ông

Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N trả dứt nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải trả số tiền nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T:

Xét, Căn cứ vào công văn số 315/PC64 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Tây Ninh nội dung trả lời kết quả như sau: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983, số CMND 290722188, cấp ngày 03/8/1998; Trước đây bà Nguyễn Thị Thùy T có hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Ngày 21/10/2010 bà Nguyễn Thị Thùy T cắt chuyển hộ khẩu về địa chỉ: Tổ T, ấp N, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T đã được triệu tập tống đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ngân hàng xác định, chỉ yêu cầu chủ thẻ chính Phùng Minh S và chủ thẻ phụ ông Phùng Nhật N cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, mà không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T trả nợ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại C.

Buộc bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại C số tiền tổng cộng: 433.904.656 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu chín trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 196.265.824 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi là: 237.638.832 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn tám trăm ba mươi hai đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ sau ngày 30/10/2018, bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại C tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB Visa Platinum ngày 29/3/2011 và Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ ngày 10/8/2011 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.756.186 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn một trăm tám mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại C là 6.288.013 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn không trăm mười ba đồng), theo biên lai thu số AA/2014/0009718 ngày 03/8/201817 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phùng Minh S, ông Phùng Nhật N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T được quyền kháng cáo lên Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt đúng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Lê Anh).

Trương Như Thủy